TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T.T.H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST.
Ngày: 05/11/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T.T.H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Quang Bình

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh T.T.H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T.T.H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2021 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (60 Nguyễn Huệ - thành phố H) mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 191/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2020; về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Lô B10, KQH Trung tâm Kiểm Huệ, đường H.H.T, phường Xuân Phú, thành phố H, tỉnh T.T.H (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Cẩm N, sinh năm 1977

Địa chỉ: 25 N.H, phường K.L, thành phố H, tỉnh T.T.H (có mặt).

-Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1954. Địa chỉ: 2/56 T.P, phường T.L, thành phố H, tỉnh T.T.H. Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2021 (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1944

Địa chỉ: 12 kiệt 176 Phan Chu Trinh, phường P.V, thành phố H, tỉnh T.T.H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn là bà Phạm Thị B trình bày: Bà Hoàng Thị Cẩm N giao dịch vay tiền của bà từ năm 2006, trong quá trình vay thì bà N đã trả lãi và gốc theo cam kết. Vào ngày 30/10/2011 bà N và bà đối chiếu các khoản vay, bà N viết lại giấy vay nợ và xác nhận còn nợ lại bà số tiền nợ gốc 4.097.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ ngày 30/10/2011, bà N có trả được 597.000.000 đồng, còn nợ lại 3.500.000.000 đồng. Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Cẩm N phải trả số tiền 3.500.000.000 đồng. Sau ngày bà B khởi kiện tại Tòa án thì bà N tiếp tục trả nhiều lần với số tiền 24.000.000 đồng. Bà B rút một phần khởi kiện đối với số tiền 24.000.000 đồng mà bà N đã trả, hiện nay yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền 3.476.000.000 đồng.

Phía bị đơn là bà Hoàng Thị Cẩm N và đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà Phạm Thị B. Sau khi đối chiếu các khoản vay, ngày 30/10/2011 bà N còn nợ bà B số tiền 4.097.000.000 và có viết lại giấy vay nợ. Tại bản tự khai ngày 16/3/2021 bà N thừa nhận có vay tiền của bà B, nhưng hiện nay còn nợ lại bao nhiêu thì không nhớ cụ thể. Tại biên bản hòa giải ngày 2/7/2021, bà N thống nhất trả nợ cho bà B 3.500.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà B, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng. Ngày 22/9/2021 bà Hoàng Thị Cẩm N giao nộp chứng là 8 cuốn sổ và 01 mãnh giấy có chữ "B mượn Hon". Bà N cho rằng cách đây 10 năm có vay mượn tiền của bà Phạm Thị B và có chơi hụi với chị em bà B, đã trả cho bà B tiền hụi từ năm 2011 đến năm 2020 là 1.868.200.000 đồng và trả 5 lần với số tiền 2.380.000.000 đồng thể hiện bà B có ghi "B mượn Hon". Do đó, bà N đã trả cho bà B số tiền 4.248.200.000 đồng, nên không còn nợ gì bà B. Trường hợp bà B không thừa nhận giấy trả tiền 5 lần 2.380.000.000 đồng thì xem như bà B còn nợ lại bà N

2.380.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L trình bày: Bà là chị ruột của bà Phạm Thị B, bà không biết bà Hoàng Thị Cẩm N nợ tiền của bà B. Bà N có chơi hụi và bốc hụi với bà, nên bà có thu hụi từ bà N, khi thu tiền thì có ký vào sổ của bà N để làm căn cứ đối chiếu số tiền bà N đã góp hụi. bà B chưa bao giờ nhờ bà đi thu tiền nợ cho bà B từ bà N.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với số tiền 24.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị Cẩm N phải trả cho bà Phạm Thị B số tiền 3.476.000.000 đồng. Buộc bà N phải chịu án phí trên số tiền phải trả, bà B không phải chịu án phí, trả lại cho bà B tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Cẩm N giao nộp chứng cứ 8 cuốn sổ là sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng trước đó bà N đề nghị để có thời gian tìm chứng cứ, các chứng cứ này có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các chứng cứ mà bà N giao nộp.

Vào ngày 22/9/2021 bà Hoàng Thị Cẩm N có nộp 01 mãnh giấy ghi chữ "B mượn Hon", chứng cứ này đã được Tòa án giải thích không chấp nhận phản tố trong vụ án này, tại biên bản đối chất ngày 6/10/2021, sau đó bà N đã nhận lại chứng cứ này, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này, nếu có tranh chấp thì bà N khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét

xử, Tòa án không xác định tư cách tố tụng của bà Phạm Thị L, nhưng khi bà N giao nộp chứng cứ, thể hiện có bà L nhận tiền, nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Phạm Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi bà B khởi kiện thì bà N đã trả cho bà B 24.000.000 đồng, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện bà N đối với số tiền đã trả này, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với khoản tiền 24.000.000 đồng

[2] Xét nội dung tranh chấp: Bà Phạm Thị B và bà Hoàng Thị Cẩm N có giao dịch vay tiền với nhau. Ngày 30/10/2011 bà N còn nợ của bà B 4.097.000.000 đồng, giấy vay nợ này không thể hiện lãi suất và không có thời hạn trả nợ, tuy nhiên, ngày 30/7/2020 bà B đã gửi cho bà N thông báo đòi nợ với nội dung trong vòng 1 tháng phải trả nợ, ngày 01/8/2020 bà N nhận được thông báo, nên ngày 02/9/2020 bà B có quyền khởi kiện. Đối chiếu chứng cứ bà N cung cấp là bà B và con dâu bà B là chị Đoàn Thị Thanh Tuyền có ký nhận tiền trả nợ trong sổ bà N là nhỏ hơn nhiều so với số tiền bà B tự nguyện trừ số tiền bà N đã trả nợ là 597.000.000 đồng và sau khi bà B khởi kiện là 24.000.000 đồng, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử xác định, sau ngày 30/10/2011 đến nay, bà N đã trả cho bà B số tiền 621.000.000 đồng, bà N còn nợ lại bà B 3.476.000.000 đồng.

[3]. Đối với trình bày của bà N là bà Phạm Thị L thu tiền nợ hằng ngày cho bà B: Hội đồng xét xử thấy rằng, tại đơn trình bày ngày 22/9/2021 bà N trình bày là cách đây 10 năm có chơi hụi với chị em bà B, bà L trình bày có chơi hụi với bà N, bà L thu tiền của bà N thể hiện ở các cuốn sổ là thu tiền hụi. Giữa bà B, bà N và bà L không có thỏa thuận nào là bà B nhờ bà L thu tiền nợ cho bà B từ bà N. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của bà N là trả tiền nợ cho bà B thông qua bà L, thể hiện ở ký nhận trong 8 cuốn sổ bà N xuất trình.

[4] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định, hiện nay bà Hoàng Thị Cẩm N còn nợ bà Phạm Thị B số tiền 3.476.000.000 đồng. Bà N phải có trách nhiệm trả cho bà B số tiền này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Buộc bà Hoàng Thị Cẩm N phải chịu án phí trên số tiền phải trả là

3.476.000.000 đồng. Án phí phải chịu: 72.000.000 đồng + (2% x 1.476.000.000) = 101.520.000 đồng.

-Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí, trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.000.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 463; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; điểm b Điều 3 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B yêu cầu bà Hoàng Thị Cẩm N phải trả số tiền 24.000.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị B

Buộc bà Hoàng Thị Cẩm N phải trả cho bà Phạm Thị B số tiền 3.476.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm bảy sáu triệu đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hoàng Thị Cẩm N phải chịu án phí: 101.520.000 đồng.

Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí, trả lại cho bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.000.000 đồng. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000524 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Hoàng Quang Bình

Nơi nhận:
-*TA Tỉnh TT H*
-*VKS TP H*
-*THA TP H*
-*Các đương sự*
-*Lưu*